

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08- 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hà Văn Tiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Anh	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm 19/03/2014)
Bà Đào Thị Tâm	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm 11/04/2014)
Bà Trần Thị Như Hoa	Ủy viên (bổ nhiệm 19/03/2014)
Bà Hà Thị Kim Phượng	Ủy viên (bổ nhiệm 12/09/2014)
Ông Nguyễn Hùng Việt	Ủy viên (miễn nhiệm 19/03/2014)
Ông Nguyễn Thế Anh	Ủy viên (miễn nhiệm 19/03/2014)

Ban Giám đốc

Ông Hà Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Anh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh, và;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hà Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2015

Số. 322/VACO HP/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2015, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Hồng Hiền
Giám đốc Chi nhánh
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1117-2013-156-1



Lương Thị Thúy
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1148-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH CÔNG TY KIỂM TOÁN VACO
TẠI HẢI PHÒNG
Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNGSố 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		47.199.127.057	42.173.242.812
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	11.589.126.157	14.066.627.672
1. Tiền	111		11.589.126.157	14.066.627.672
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.354.866.825	5.736.776.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	8.354.866.825	5.736.776.000
III. Phải thu ngắn hạn	130		23.139.603.843	17.586.106.276
1. Phải thu khách hàng	131	7	18.192.867.345	16.773.171.741
2. Trả trước cho người bán	132		4.620.300.730	-
3. Các khoản phải thu khác	135	8	326.435.768	812.934.535
IV. Hàng tồn kho	140	9	1.576.643.776	2.454.387.878
1. Hàng tồn kho	141		1.576.643.776	2.454.387.878
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.538.886.456	2.329.344.986
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	449.886.456	329.344.986
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	2.089.000.000	2.000.000.000
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		65.602.382.868	68.345.276.437
I. Tài sản cố định	220		11.308.577.079	12.682.251.563
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	11.308.577.079	12.682.251.563
- Nguyên giá	222		25.986.259.268	26.860.406.404
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.677.682.189)	(14.178.154.841)
II. Bất động sản đầu tư	240	13	8.682.406.684	9.283.108.096
- Nguyên giá	241		14.837.227.918	14.837.227.918
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(6.154.821.234)	(5.554.119.822)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		44.034.050.000	44.034.050.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	44.034.050.000	44.034.050.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.577.349.105	2.345.866.778
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	1.559.906.344	2.307.492.695
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		17.442.761	38.374.083
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		112.801.509.925	110.518.519.249

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNGSố 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		36.473.803.949	38.297.690.551
I. Nợ ngắn hạn	310		35.413.408.748	36.160.697.898
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	27.001.709.641	28.365.363.232
2. Phải trả người bán	312		2.811.120.117	2.048.519.730
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	1.923.610.470	1.878.170.777
4. Phải trả công nhân viên	315		2.375.417.167	1.893.755.723
5. Chi phí phải trả	316		343.966.287	11.655.692
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		177.544.124	979.281.905
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		780.040.942	983.950.839
II. Nợ dài hạn	330		1.060.395.201	2.136.992.653
1. Phải trả dài hạn khác	333	18	1.022.190.270	807.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	19	-	1.212.000.000
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		38.204.931	117.992.653
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		76.327.705.976	72.220.828.698
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	20	76.327.705.976	72.220.828.698
1. Vốn điều lệ	411		46.514.230.000	46.514.230.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.644.240.000	14.644.240.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.235.072.642	3.885.072.642
4. Quỹ Dự phòng tài chính	418		3.090.145.953	2.665.145.953
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.844.017.381	4.512.140.103
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		112.801.509.925	110.518.519.249

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Loài ngoại tệ (USD)

31/12/2014**01/01/2014**

101,40

101,28

**Hà Văn Tiên**
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2015

Hà Thị Tú
Trưởng phòng TCKT**Nguyễn Thị Hải**
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNGSố 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	305.288.538.117	289.520.073.160
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10		305.288.538.117	289.520.073.160
3. Giá vốn hàng bán	11	22	270.491.881.803	256.678.308.917
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		34.796.656.314	32.841.764.243
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	829.073.852	1.395.213.490
6. Chi phí tài chính	22	24	2.031.326.381	2.710.331.316
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.953.640.145	2.680.675.774
7. Chi phí bán hàng	24		18.993.351.648	18.786.880.175
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.520.038.374	3.206.946.608
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		11.081.013.763	9.532.819.634
10. Thu nhập khác	31		2.368.698.817	1.765.715.647
11. Chi phí khác	32		302.865.417	3.894.465
12. Lợi nhuận khác	40	25	2.065.833.400	1.761.821.182
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.146.847.163	11.294.640.816
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	2.921.186.390	2.776.347.790
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		20.931.322	29.018.423
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		10.204.729.451	8.489.274.603
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.194	1.825



Hà Văn Tiến
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2015

Hà Thị Tú
Trưởng phòng TCKT

Nguyễn Thị Hải
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNGSố 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Msố	Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SX-KD			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	334.250.214.322	315.918.287.323
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(294.449.062.624)	(273.362.602.436)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(17.019.818.870)	(25.975.588.114)
4. Tiền chi trả lãi	04	(1.945.469.862)	(2.726.989.436)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.918.396.136)	(3.104.541.207)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.672.624.260	4.797.990.184
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07	(14.612.216.500)	(20.039.388.328)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD	20	6.977.874.590	(4.492.832.014)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(56.846.364)	(214.500.000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	220.000.000	2.100.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đn vị khác	25	(5.850.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	371.428.057	572.000.156
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		(815.418.307)	359.600.156
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	116.969.809.582	103.087.811.382
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(119.545.463.173)	(106.231.327.767)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.064.332.600)	(6.494.509.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.639.986.191)	(9.638.025.885)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(2.477.529.908)	(13.771.257.743)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	14.066.627.672	27.837.858.105
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	28.393	27.310
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	11.589.126.157	14.066.627.672

Hà Văn Tiến

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2015

Hà Thị Tú

Trưởng phòng TCKT

Nguyễn Thị Hải

Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp trực thuộc Cảng Hải Phòng, thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 2714/2000/QĐ-BGTVT ngày 18/9/2000 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Kinh doanh số 0203000025 ngày 18 tháng 10 năm 2000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, sửa đổi lần 1 ngày 25/02/2004, lần 2 ngày 16/03/2006, lần 3 ngày 10/4/2007, lần 4 ngày 23/10/2007, lần 5 ngày 05/02/2008, lần 6 ngày 15/08/2009, lần 7 ngày 23/02/2010, lần 8 ngày 12/04/2010, lần 9 ngày 22/03/2011, lần 10 ngày 01/02/2013, lần thứ 11 ngày 27/03/2014, lần thứ 12 ngày 28/8/2014.

Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận Kinh doanh là 46.514.230.000 đồng, vốn thực góp đến ngày 31/12/2014 là 46.514.230.000 đồng.

Tổng số cán bộ công nhân viên tại ngày 31/12/2014 là 416 người (tại ngày 01/01/2014 là 635 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh và dịch vụ hàng hải (bao gồm: Vận tải thủy, vận tải đường bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hoá và cung ứng hàng hải); Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh nhà ăn, nhà nghỉ, cho thuê văn phòng; Đại lý bán lẻ xăng dầu, chất đốt, xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại; Đại lý tàu biển; Dịch vụ vệ sinh tàu biển; Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hoá siêu trường, siêu trọng bằng đường bộ và đường thủy; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thang máy; Sửa chữa thiết bị điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Sửa chữa nhà, xưởng, kho tàng; Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo; Bán lẻ đồ uống; Cung ứng lao động tạm thời; Giáo dục nghề nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh và dịch vụ hàng hải (bao gồm: Bốc xếp, giao nhận hàng hoá và cung ứng hàng hải); Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh nhà ăn, nhà nghỉ, cho thuê văn phòng; Đại lý bán lẻ xăng dầu, chất đốt; Dịch vụ vệ sinh tàu biển.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng, chịu sự kiểm toán của Công ty (Công ty góp 51,20% vốn).
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phát sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phát sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, trong số dư hàng tồn kho đến ngày 31/12/2014 không có hàng tồn kho nào bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa và vật kiến trúc	05-25
Máy móc thiết bị	07-10
Thiết bị quản lý	03-07
Phương tiện vận tải	06-10

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ nắm trên 50% quyền kiểm soát. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, chi phí sửa chữa được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai hoặc ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Nguồn vốn**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập Doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	119.001.786	170.072.248
Tiền gửi ngân hàng	11.470.124.371	13.896.555.424
Cộng	11.589.126.157	14.066.627.672

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Cho vay ngắn hạn	8.354.866.825	5.736.776.000
Cộng	8.354.866.825	5.736.776.000

Cho vay ngắn hạn thể hiện khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng vay theo các hợp đồng và phụ lục hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNGSố 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trạm xăng dầu Lê Thánh Tông	12.777.940.318	11.142.720.881
Cửa hàng kinh doanh lốp	2.299.533.159	2.012.190.800
Các đối tượng khác	3.115.393.868	3.618.260.060
Cộng	18.192.867.345	16.773.171.741

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Lãi phải thu	-	781.534.512
Phải thu khác	326.435.768	31.400.023
Cộng	326.435.768	812.934.535

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	38.492.321	44.619.777
Hàng hoá	1.538.151.455	2.409.768.101
Cộng	1.576.643.776	2.454.387.878
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.576.643.776	2.454.387.878

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01/01	329.344.986	164.618.572
Tăng trong năm	1.017.449.000	550.218.052
Kết chuyển vào chi phí sản xuất trong năm	(896.907.530)	(385.491.638)
Tại ngày 31/12	449.886.456	329.344.986

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2.089.000.000	2.000.000.000
Cộng	2.089.000.000	2.000.000.000

Trong đó bao gồm 02 tỷ đồng là số tiền Công ty phải ký quỹ theo hợp đồng mua bán xăng dầu với Công ty TNHH xăng dầu Nam Ninh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNGSố 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2014	17.719.148.940	6.166.423.476	2.682.910.116	291.923.872	26.860.406.404
Tăng trong năm	56.846.364	-	-	-	56.846.364
Thanh lý	-	(930.993.500)	-	-	(930.993.500)
Tại 31/12/2014	17.775.995.304	5.235.429.976	2.682.910.116	291.923.872	25.986.259.268
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2014	8.497.446.279	2.880.054.569	2.512.843.024	287.810.969	14.178.154.841
Khấu hao trong năm	554.985.852	554.117.407	137.571.203	4.112.903	1.250.787.365
Thanh lý	-	(751.260.017)	-	-	(751.260.017)
Tại 31/12/2014	9.052.432.131	2.682.911.959	2.650.414.227	291.923.872	14.677.682.189
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2014	9.221.702.661	3.286.368.907	170.067.092	4.112.903	12.682.251.563
Tại 31/12/2014	8.723.563.173	2.552.518.017	32.495.889	-	11.308.577.079

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị quản lý đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng lần lượt là 2.659.333.812 đồng, 572.446.281 đồng, 1.906.187.374 đồng, 291.923.872 đồng (tại ngày 01/01/2014 là: 2.659.333.812 đồng, 572.446.281 đồng, 1.153.375.702 đồng, 138.923.872 đồng).

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại 01/01/2014	14.837.227.918
Tại 31/12/2014	14.837.227.918
HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại 01/01/2014	5.554.119.822
Khấu hao trong năm	600.701.412
Tại 31/12/2014	6.154.821.234
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại 01/01/2014	9.283.108.096
Tại 31/12/2014	8.682.406.684

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng HP	44.034.050.000	44.034.050.000
Cộng	44.034.050.000	44.034.050.000

Phản ánh khoản vốn góp theo cam kết góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng với số tiền là 84 tỷ đồng, chiếm 60% vốn Điều lệ. Đến ngày 31/12/2014, Công ty đã góp 44.034.050.000 đồng tương đương với 52,42% số vốn cam kết. Công ty con đang trong thời gian xây dựng cơ bản, mặc dù kết quả kinh doanh của Công ty con năm 2014 lỗ nhưng là do lỗ kế hoạch nên Công ty không trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01/01	2.307.492.695	738.812.996
Tăng trong năm	575.365.418	1.916.281.344
Tăng khác	-	678.890.458
Kết chuyển vào chi phí sản xuất trong năm	(1.322.951.769)	(1.026.492.103)
Tại ngày 31/12	1.559.906.344	2.307.492.695

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	27.001.709.641	27.149.363.232
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN-CN Đông HP (1)	25.651.709.641	25.894.363.232
Vay cá nhân (2)	1.350.000.000	1.255.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	1.216.000.000
Ngân hàng Công thương-CN Ngô Quyền	-	1.216.000.000
Cộng	27.001.709.641	28.365.363.232

(1) Vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 4568045.001/2012 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 05/06/2013, 18/12/2013, và hợp đồng số 01/2014/4568051 ngày 02/6/2014; Hạn mức 30 tỷ đồng, giải ngân theo từng giấy nhận nợ; Lãi suất được xác định trong từng Giấy nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với tại địa chỉ Cổng 2 đường Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB538533 và N308659; Khoản vay được gia hạn đến ngày 31/5/2015.

(2) Vay của các cá nhân theo các hợp đồng cho vay với lãi suất bằng lãi suất cộng phí cho vay của Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Đông Hải Phòng, có điều chỉnh theo lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	337.319.234	358.066.680
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.400.400.390	1.306.578.790
Thuế thu nhập cá nhân	185.890.846	213.525.307
Cộng	1.923.610.470	1.878.170.777

18. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nhận tiền đặt cọc	1.022.190.270	807.000.000
Cộng	1.022.190.270	807.000.000

Phản ánh số tiền nhận đặt cọc của các công ty về dịch vụ cho thuê Văn Phòng.

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<i>Vay dài hạn</i>		
Ngân hàng Công thương Việt Nam-CN Ngô Quyền	-	1.212.000.000
Cộng	-	1.212.000.000

Vay dài hạn phản ánh khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngô Quyền theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 01 ngày 10/01/2011, theo đó tổng số tiền vay là 2.800.000.000 đồng, thời hạn vay là 4 năm kể từ ngày giải ngân, lãi suất được điều chỉnh theo thông báo thay đổi lãi suất của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền

Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD/2012 ngày 22/08/2012, theo đó tổng số tiền vay là 2.200.000.000 đồng, thời hạn vay là 4 năm kể từ ngày giải ngân, lãi suất được điều chỉnh theo thông báo thay đổi lãi suất của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền

Khoản vay này được hoàn trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNGSố 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU***Biến động vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại 01/01/2013	46.514.230.000	14.644.240.000	3.385.072.642	2.165.145.953	4.624.948.676	71.333.637.271
Góp vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	8.489.274.603	8.489.274.603
Phân chia lợi nhuận	-	-	500.000.000	500.000.000	(1.624.948.676)	(624.948.676)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(6.977.134.500)	(6.977.134.500)
Tại 01/01/2014	46.514.230.000	14.644.240.000	3.885.072.642	2.665.145.953	4.512.140.103	72.220.828.698
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	10.204.729.451	10.204.729.451
Phân chia lợi nhuận (1)	-	-	350.000.000	425.000.000	(1.512.140.103)	(737.140.103)
Chia cổ tức (2)	-	-	-	-	(5.581.707.600)	(5.581.707.600)
Tăng khác	-	-	-	-	220.995.530	220.995.530
Tại 31/12/2014	46.514.230.000	14.644.240.000	4.235.072.642	3.090.145.953	7.844.017.381	76.327.705.976

- (1) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCD ngày 19/03/2014, Đại hội thông qua phương án phân chia lợi nhuận như sau: trích quỹ đầu tư phát triển 350.000.000 đồng; trích quỹ dự phòng tài chính 425.000.000 đồng; trích Quỹ khen thưởng 250.000.000 đồng, quỹ phúc lợi 287.140.103 đồng, trích quỹ Ban điều hành 200.000.000; chia cổ tức năm 2013 là 15% vốn Điều lệ bằng tiền mặt tương đương với 6.977.134.500 đồng (cổ tức đã được tạm ứng 100% trong năm 2013).
- (2) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2014/NQ-HĐQT ngày 13/11/2014, Hội đồng quản trị quyết định tạm ứng cổ tức lần 1 từ lợi nhuận năm 2014 là 12%/cổ phần tương đương 5.581.707.600 đồng. Việc phân chia lợi nhuận năm 2014 của Công ty sẽ được Đại hội đồng cổ đông của Công ty chính thức thông qua trong năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNGSố 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Vốn đã góp đến 31/12/2014		Vốn đã góp đến 01/01/2014	
	VND	%	VND	%
Cổ đông nhà nước	-	0,00%	3.217.500.000	6,92%
Ngân hàng TMCP ACB	3.216.500.000	6,92%	-	0,00%
Ông Hà Văn Tiến	6.915.180.000	14,87%	6.915.180.000	14,87%
Công ty TNHH Vận tải Hà Phương	8.084.820.000	17,38%	8.084.820.000	17,38%
Các đối tượng khác	28.297.730.000	60,84%	28.296.730.000	60,83%
Cộng	46.514.230.000	100%	46.514.230.000	100%

Cổ phiếu

	31/12/2014 (Cổ phiếu)	01/01/2014 (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu	4.651.423	4.651.423
Số lượng cổ phiếu phổ thông	4.651.423	4.651.423
Số lượng cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.651.423	4.651.423

	31/12/2014 (VND/CP)	01/01/2014 (VND/CP)
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng	269.338.613.425	241.681.044.060
Doanh thu dịch vụ	35.949.924.692	47.839.029.100
Cộng	305.288.538.117	289.520.073.160

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn hàng bán	256.849.573.453	231.937.932.124
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	13.642.308.350	24.740.376.793
Cộng	270.491.881.803	256.678.308.917

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	762.082.690	1.261.184.430
Cổ tức, lợi nhuận được chia	66.962.769	134.001.750
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	28.393	27.310
Cộng	829.073.852	1.395.213.490

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.953.640.145	2.680.675.774
Chi phí hợp đồng hợp tác kinh doanh	36.740.781	29.585.544
Chi phí tài chính khác	40.945.455	69.998
Cộng	2.031.326.381	2.710.331.316

25. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	200.000.000	1.909.091
Tiền điện, nước, phạt hợp đồng, khác	2.168.698.817	1.763.806.556
Cộng thu nhập khác	2.368.698.817	1.765.715.647
Chi phí thanh lý tài sản cố định	179.733.483	-
Chi phí khác	123.131.934	3.894.465
Cộng chi phí khác	302.865.417	3.894.465
Lợi nhuận khác	2.065.833.400	1.761.821.182

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	13.146.847.163	11.294.640.816
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	131.272.793	(189.249.657)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(66.962.769)	(134.001.750)
Trừ: Chi phí chênh lệch tạm thời năm trước	(95.142.372)	(95.142.372)
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	293.377.934	39.894.465
Thu nhập chịu thuế	13.278.119.956	11.105.391.159
Thuế suất thông thường	22%	25%
Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	2.921.186.390	2.776.347.790
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.921.186.390	2.776.347.790

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNGSố 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***27. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	256.849.573.453	232.663.913.603
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	379.896.046	463.408.387
Chi phí nhân công	22.712.879.657	32.308.372.365
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.072.484.307	2.646.017.809
Chi phí mua ngoài, chi phí khác	10.990.438.362	10.590.423.536
Cộng	293.005.271.825	278.672.135.700

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	10.204.729.451	8.489.274.603
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận hoặc(lỗ) phân bổ cho cổ đông	10.204.729.451	8.489.274.603
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	4.651.423	4.651.423
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.194	1.825

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản vay	27.001.709.641	29.577.363.232
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	11.589.126.157	14.066.627.672
Nợ thuần	15.412.583.484	15.510.735.560
Vốn chủ sở hữu	76.327.705.976	72.220.828.698
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	20,19%	21,48%

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNGSố 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.589.126.157	14.066.627.672
Phải thu khách hàng và phải thu khác	23.139.603.843	17.586.106.276
Đầu tư tài chính	52.388.916.825	49.770.826.000
Các khoản ký quỹ	2.089.000.000	2.000.000.000
Tổng cộng	89.206.646.825	83.423.559.948
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	27.001.709.641	29.577.363.232
Phải trả người bán và phải trả khác	4.010.854.511	3.834.801.635
Chi phí phải trả	343.966.287	11.655.692
Công nợ tài chính khác	38.204.931	117.992.653
Tổng cộng	31.394.735.370	33.541.813.212

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNGSố 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

	Dưới 1 năm VND	Trên 01 năm VND	Tổng VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.589.126.157	-	11.589.126.157
Phải thu khách hàng và phải thu khác	23.139.603.843	-	23.139.603.843
Đầu tư tài chính	8.354.866.825	44.034.050.000	52.388.916.825
Các khoản ký quỹ	2.089.000.000	-	2.089.000.000
Tổng cộng	45.172.596.825	44.034.050.000	89.206.646.825
31/12/2014			
Các khoản vay	27.001.709.641	-	27.001.709.641
Phải trả người bán và phải trả khác	2.988.664.241	1.022.190.270	4.010.854.511
Chi phí phải trả	343.966.287	-	343.966.287
Công nợ tài chính khác	38.204.931	-	38.204.931
Tổng cộng	30.372.545.100	1.022.190.270	31.394.735.370
Chênh lệch thanh khoản thuần	14.800.051.725	43.011.859.730	57.811.911.455

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNGSố 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) MẪU B 09 - DN*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Trên 01 năm VND	Tổng VND
01/01/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.066.627.672	-	14.066.627.672
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.586.106.276	-	17.586.106.276
Đầu tư tài chính	5.736.776.000	44.034.050.000	49.770.826.000
Các khoản ký quỹ	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Tổng cộng	39.389.509.948	44.034.050.000	83.423.559.948
01/01/2014			
Các khoản vay	28.365.363.232	1.212.000.000	29.577.363.232
Phải trả người bán và phải trả khác	3.027.801.635	807.000.000	3.834.801.635
Chi phí phải trả	11.655.692	-	11.655.692
Công nợ tài chính khác	117.992.653	-	117.992.653
Tổng cộng	31.522.813.212	2.019.000.000	33.541.813.212
Chênh lệch thanh khoản thuần	7.866.696.736	42.015.050.000	49.881.746.736

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, sẫm lốp, cho thuê văn phòng, dịch vụ bốc xếp hàng hoá tại Thành phố Hải Phòng.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Bản chất bên liên quan**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng

Công ty con

Trong năm, Công ty có giao dịch với bên liên quan như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Cho vay vốn lưu động	2.618.090.825	1.000.000.000
Cung cấp hàng hóa dịch vụ	396.591.138	250.298.171
Lãi tiền vay	486.556.313	781.534.512

Số dư với bên liên quan:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu cho vay	8.354.866.825	5.736.776.000
Phải thu tiền lãi cho vay	-	781.534.512

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNGSố 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**Thu nhập của Ban Giám đốc**

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.070.105.456	826.608.000
Cộng	1.070.105.456	826.608.000

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty

33. THÔNG TIN KHÁC

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Chi tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2013
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	58,16	61,84
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	41,84	38,16
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	32,33	34,65
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	67,67	65,35
2. Khả năng thanh toán tổng quát			
2.1 Khả năng thanh toán nhanh	lần	3,09	2,89
2.2 Khả năng thanh toán nợ đến hạn	lần	1,33	1,17
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,33	0,39
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất sinh lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	4,31	3,90
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	%	3,34	2,93
3.2 Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	11,65	10,22
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	9,05	7,68
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/nguồn vốn chủ sở hữu	%	13,37	11,75

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán.





Hà Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2015



Hà Thị Tú
Trưởng phòng TCKT



Nguyễn Thị Hải
Người lập